# PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Trường: .....

Họ và tên: ..... Môn thi: .....

Lớp: ..... Ngày thi: ..... Thời gian: .....

Phòng thi: ..... Số báo danh: .....

**Mã phách**

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

**Mã phách**

| **Thí sinh lưu ý** | Điểm trắc nghiệm | Điểm tự luận | Giám khảo 1 |
|---|---|---|---|
| *Ghi đầy đủ các mục, giữ phiếu phẳng khi làm bài.*<br>*Tô kín đáp án tương ứng với số câu trong đề thi.*<br>*Bài kiểm tra được chấm bằng máy, học sinh phải tô kín đáp án, tẩy xóa sạch sẽ khi thay đổi đáp án.* | ..... | ..... | |
| | Số câu đúng/ Tổng số câu<br>..... | **Tổng điểm** | Giám khảo 2 |

Mã đề thi

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Ⓐ | Ⓑ | Ⓒ | Ⓓ |
| 1 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 2 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 3 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 4 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 5 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 6 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 7 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 8 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 9 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 10 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 11 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 12 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 13 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 14 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 15 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 16 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 17 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 18 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 19 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 20 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 21 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 22 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 23 | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 24 | ○ | ○ | ○ | ○ |

Phần tự luận

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....